

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)

M.S.D.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower (được chuyển đổi từ Công ty Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower, Giấy phép đầu tư số 833/GP ngày 06 tháng 04 năm 1994) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000387, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 01 năm 2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 24 tháng 09 năm 2013 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	
Ông Ng Chun Sun	Ủy viên	
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 11/01/2021
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/01/2021
Ông Wu Yai Ning	Ủy viên	
Ông Lu Xin	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Wu Yai Ning	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Chiêu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Ngọc Kiệt	Trưởng ban
Ông Ma Jian Bo	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Wu Yai Ning
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Số: 161121.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower được lập ngày 20 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2021

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of  International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		157.249.507.509	164.780.531.016
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	86.497.213.205	104.221.276.098
111	1. Tiền		6.497.213.205	10.221.276.098
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	94.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.281.756.164	8.234.735.250
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.693.823.134	6.334.978.194
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	262.602.247	262.602.247
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.461.710.854	6.773.534.880
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.136.380.071)	(5.136.380.071)
140	IV. Hàng tồn kho	8	57.686.115.704	46.177.917.650
141	1. Hàng tồn kho		68.568.956.753	57.060.758.699
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.882.841.049)	(10.882.841.049)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.784.422.436	6.146.602.018
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.718.130.808	2.002.884.696
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.066.291.628	4.143.717.322
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		70.721.536.969	76.152.699.706
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		306.000.000	306.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	306.000.000	306.000.000
220	II. Tài sản cố định		70.415.536.969	75.846.699.706
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	38.482.842.429	43.229.733.138
222	- Nguyên giá		197.839.031.096	197.839.031.096
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(159.356.188.667)	(154.609.297.958)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	31.932.694.540	32.616.966.568
228	- Nguyên giá		47.899.041.811	47.899.041.811
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.966.347.271)	(15.282.075.243)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		227.971.044.478	240.933.230.722

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.167.146.001	39.070.194.137
310	I. Nợ ngắn hạn		25.167.146.001	39.070.194.137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.685.799.091	22.450.532.312
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	1.782.100.125	1.324.392.268
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	103.241.691	1.788.539.400
314	4. Phải trả người lao động		1.975.439.486	5.057.106.304
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		54.166.665	286.300.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		72.965.009	74.079.673
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	950.823.609	5.812.523.855
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.542.610.325	2.276.720.325
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		202.803.898.477	201.863.036.585
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	202.803.898.477	201.863.036.585
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		128.679.180.000	128.679.180.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		128.679.180.000	128.679.180.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(260.435.693)	(260.435.693)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.879.569.973	6.879.569.973
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.505.584.197	66.564.722.305
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		66.564.722.305	63.714.052.205
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		940.861.892	2.850.670.100
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		227.971.044.478	240.933.230.722

Trần Thị Phú
Người lập

Trần Thị Phú
Kế toán trưởng

Wu Yai Ning
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	105.328.080.340	114.137.445.725
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.328.080.340	114.137.445.725
11	4. Giá vốn hàng bán	19	77.943.849.475	86.401.731.884
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.384.230.865	27.735.713.841
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.508.731.472	1.885.849.768
22	7. Chi phí tài chính		3.457.698	105.948.605
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	18.008.496.096	17.030.075.612
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.700.996.978	10.480.100.796
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.180.011.565	2.005.438.596
31	11. Thu nhập khác		800	8
32	12. Chi phí khác		3.935.000	178.150.000
40	13. Lợi nhuận khác		(3.934.200)	(178.149.992)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.176.077.365	1.827.288.604
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	235.215.473	401.087.721
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>940.861.892</u>	<u>1.426.200.883</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	73	111

Trần Thị Phú
Người lập

Trần Thị Phú
Kế toán trưởng

Wu Yai Ning
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.176.077.365	1.827.288.604
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.431.162.737	5.421.189.498
03	- Các khoản dự phòng		-	(688.218)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.368.124.849)	(1.797.731.535)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.239.115.253	5.450.058.349
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.030.404.780	1.651.882.099
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.508.198.054)	6.355.015.191
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.808.493.244)	(8.627.605.359)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		284.753.888	(423.196.623)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(363.317.928)	(1.470.998.980)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(734.110.000)	(137.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.859.845.305)	2.797.554.677
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(100.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.368.124.849	2.009.375.371
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.368.124.849	1.909.375.371
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.232.342.437)	(51.984.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.232.342.437)	(51.984.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(17.724.062.893)	4.654.946.048
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		104.221.276.098	88.094.660.453
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>86.497.213.205</u>	<u>92.749.606.501</u>

Trần Thị Phú
Người lập

Trần Thị Phú
Kế toán trưởng

Wu Yai Ning
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower (được chuyển đổi từ Công ty Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower, Giấy phép đầu tư số 833/GP ngày 06 tháng 04 năm 1994) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000387, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 01 năm 2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 24 tháng 09 năm 2013 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 128.679.180.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 128.679.180.000 đồng; tương đương 12.867.918 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 169 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 176 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các loại nước giải khát từ trái cây, sâm cao ly; nước tinh khiết; sản xuất các loại bánh nhân trái cây và chế biến các mặt hàng nông sản thực phẩm.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 06 tháng đầu năm 2021, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các đối thủ trong ngành cùng tác động của dịch bệnh Covid - 19 nói chung đến nền kinh tế. Ảnh hưởng của các vấn đề này khiến cho chỉ tiêu doanh thu của Công ty giảm 7,72% so với 06 tháng đầu năm 2020 và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 34,03% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Cần Thơ	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Biên Hòa	Biên Hòa	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Amata	Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đóng gói sản phẩm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ theo sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Chi phí quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm nước giải khát từ trái cây, sâm cao ly; nước tinh khiết; sản xuất các loại bánh nhân trái cây và chế biến các mặt hàng nông sản thực phẩm của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	277.550.715	578.966.159
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.219.662.490	9.642.309.939
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	94.000.000.000
	86.497.213.205	104.221.276.098

(*) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 80.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phương Kim	444.654.625	-	269.273.650	-
- Công ty TNHH Tuấn Trúc	406.279.764	-	171.158.493	-
- Phải thu khác	3.842.888.745	(40.995.672)	5.894.546.051	(40.995.672)
	4.693.823.134	(40.995.672)	6.334.978.194	(40.995.672)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Zhucheng Shenghua Machinery Co., Ltd	191.102.247	-	191.102.247	-
Đối tượng khác	71.500.000	-	71.500.000	-
	262.602.247	-	262.602.247	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	153.000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.000	-	-	-
Tạm ứng	818.852.786	-	1.395.440.504	-
Ông Lâm Tấn Phát	4.761.181.074	(4.761.181.074)	4.761.181.074	(4.761.181.074)
Ông Trịnh Khải Minh	301.087.050	(301.087.050)	301.087.050	(301.087.050)
Phải thu khác	580.424.944	(33.116.275)	315.826.252	(33.116.275)
	6.461.710.854	(5.095.384.399)	6.773.534.880	(5.095.384.399)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	306.000.000	-	306.000.000	-
	306.000.000	-	306.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	316.901.363	-	16.775.437	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)

7 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ông Lâm Tấn Phát	4.761.181.074	-	4.761.181.074	-
- Ông Trịnh Khải Minh	301.087.050	-	301.087.050	-
- Các khoản khác	74.111.947	-	74.111.947	-
	5.136.380.071	-	5.136.380.071	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.448.417.051	(10.823.842.181)	33.169.666.114	(10.823.842.181)
Công cụ, dụng cụ	155.405.898	(58.998.868)	183.852.507	(58.998.868)
Thành phẩm	27.005.086.256	-	21.840.954.031	-
Hàng hoá	3.960.047.548	-	1.866.286.047	-
	68.568.956.753	(10.882.841.049)	57.060.758.699	(10.882.841.049)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	56.602.205.222	134.526.570.666	4.599.989.476	2.110.265.732	197.839.031.096				
Số dư cuối kỳ	56.602.205.222	134.526.570.666	4.599.989.476	2.110.265.732	197.839.031.096				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	27.030.232.000	121.306.473.492	4.548.901.214	1.723.691.252	154.609.297.958				
- Khấu hao trong kỳ	1.401.385.692	3.284.541.493	18.031.146	42.932.378	4.746.890.709				
Số dư cuối kỳ	28.431.617.692	124.591.014.985	4.566.932.360	1.766.623.630	159.356.188.667				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	29.571.973.222	13.220.097.174	51.088.262	386.574.480	43.229.733.138				
Tại ngày cuối kỳ	28.170.587.530	9.935.555.681	33.057.116	343.642.102	38.482.842.429				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.739.752.669 đồng.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại lô đất Khu Công nghiệp Amata, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với nguyên giá là 47.899.041.811 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 15.966.347.271 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 684.272.028 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí đóng gói sản phẩm xuất dùng (*)	871.464.141	1.021.551.367
Chi phí quảng cáo	846.666.667	981.333.329
	<u>1.718.130.808</u>	<u>2.002.884.696</u>

(*) Chi phí đóng gói sản phẩm bao gồm các chi phí vật liệu bia, thùng catton, nhân công đóng gói... Chi phí này được phân bổ theo sản lượng thành phẩm xuất kho.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Bao bì Thành Nghĩa P.E.T	4.694.407.520	4.694.407.520	5.763.340.000	5.763.340.000
- MC Packaging (PTE) Ltd	9.137.734.118	9.137.734.118	10.716.091.160	10.716.091.160
- Phải trả các đối tượng khác	4.853.657.453	4.853.657.453	5.971.101.152	5.971.101.152
	<u>18.685.799.091</u>	<u>18.685.799.091</u>	<u>22.450.532.312</u>	<u>22.450.532.312</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhà phân phối An Hòa	526.978.000	139.569.170
Nguyễn Thị Đỡ	101.670.000	109.400.500
Đối tượng khác	1.153.452.125	1.075.422.598
	<u>1.782.100.125</u>	<u>1.324.392.268</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.552.058.323		7.494.268.243		9.046.326.566		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		1.576.893.680		1.576.893.680		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		163.317.928		235.215.473		363.317.928		-		35.215.473	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		73.163.149		245.509.411		250.646.342		-		68.026.218	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-		-	
	-		1.788.539.400		9.557.886.807		11.243.184.516		-		103.241.691	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	96.291.640		70.328.792	
- Bảo hiểm xã hội	68.703.209		68.703.209	
- Bảo hiểm y tế	19.257.682		19.257.682	
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.583.652		5.583.652	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.000.000		95.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-		5.232.342.437	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	665.987.426		321.308.083	
	950.823.609		5.812.523.855	
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	-		4.163.884.000	

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	128.679.180.000	(260.435.693)	6.879.569.973	76.898.750.185	212.197.064.465
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.426.200.883	1.426.200.883
Số dư cuối kỳ trước	128.679.180.000	(260.435.693)	6.879.569.973	78.324.951.068	213.623.265.348
Số dư đầu năm nay	128.679.180.000	(260.435.693)	6.879.569.973	66.564.722.305	201.863.036.585
Lãi trong kỳ này	-	-	-	940.861.892	940.861.892
Số dư cuối kỳ này	128.679.180.000	(260.435.693)	6.879.569.973	67.505.584.197	202.803.898.477

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Honsan International Limited	46.862.360.000	36,42%	46.862.360.000	36,42%
Golden Sino (Holdings) Limited	31.241.580.000	24,28%	31.241.580.000	24,28%
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP	41.638.840.000	32,36%	41.638.840.000	32,36%
Các cổ đông khác	8.936.400.000	6,94%	8.936.400.000	6,94%
	128.679.180.000	100%	128.679.180.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.679.180.000	128.679.180.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>128.679.180.000</u>	<u>128.679.180.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>128.679.180.000</u>	<u>128.679.180.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	5.232.342.437	260.962.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(5.232.342.437)	(51.984.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<u>(5.232.342.437)</u>	<u>(51.984.000)</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>-</u>	<u>208.978.200</u>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.867.918	12.867.918
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.867.918	12.867.918
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.867.918	12.867.918
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.867.918	12.867.918
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.867.918	12.867.918
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.879.569.973	6.879.569.973
	<u>6.879.569.973</u>	<u>6.879.569.973</u>
17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.133,32	28.560,64
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu bán nội địa	104.890.389.262	113.685.235.925
Doanh thu xuất khẩu	437.691.078	452.209.800
	<u>105.328.080.340</u>	<u>114.137.445.725</u>
19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	76.335.749.833	84.688.155.932
Khấu hao dây chuyền trà sản xuất dưới công suất	1.608.099.642	1.714.264.170
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(688.218)
	<u>77.943.849.475</u>	<u>86.401.731.884</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.368.124.849	1.797.731.535
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	140.606.623	88.118.233
	1.508.731.472	1.885.849.768

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.508.820.277	4.953.719.456
Chi phí nhân công	4.541.140.156	6.277.737.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.031.146	18.031.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.438.601.286	4.712.172.613
Chi phí khác bằng tiền	2.501.903.231	1.068.415.189
	18.008.496.096	17.030.075.612

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.154.137	67.958.314
Chi phí nhân công	5.229.299.600	6.019.360.142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.391.012.514	1.427.181.084
Thuế, phí, lệ phí	83.795.909	45.817.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.780.612.956	1.452.709.227
Chi phí khác bằng tiền	1.149.121.862	1.467.074.607
	9.700.996.978	10.480.100.796

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.176.077.365	1.827.288.604
Các khoản điều chỉnh tăng	-	178.150.000
- Chi phí không hợp lệ	-	178.150.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.176.077.365	2.005.438.604
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	235.215.473	401.087.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	163.317.928	830.998.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(363.317.928)	(1.470.998.980)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	35.215.473	(238.912.279)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	940.861.892	1.426.200.883
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	940.861.892	1.426.200.883
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.867.918	12.867.918
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73	111

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.640.389.699	70.775.948.527
Chi phí nhân công	15.596.018.345	17.423.746.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.431.162.737	5.421.189.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.044.847.730	10.163.969.295
Chi phí khác bằng tiền	4.105.056.263	2.259.802.124
	110.817.474.774	106.044.655.880

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.497.213.205	-	104.221.276.098	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.461.533.988	(5.136.380.071)	13.414.513.074	(5.136.380.071)
	97.958.747.193	(5.136.380.071)	117.635.789.172	(5.136.380.071)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	19.636.622.700	28.263.056.167
Chi phí phải trả	54.166.665	286.300.000
	19.690.789.365	28.549.356.167

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.497.213.205	-	-	86.497.213.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.019.153.917	306.000.000	-	6.325.153.917
	<u>92.516.367.122</u>	<u>306.000.000</u>	<u>-</u>	<u>92.822.367.122</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.221.276.098	-	-	104.221.276.098
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.972.133.003	306.000.000	-	8.278.133.003
	<u>112.193.409.101</u>	<u>306.000.000</u>	<u>-</u>	<u>112.499.409.101</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.636.622.700	-	-	19.636.622.700
Chi phí phải trả	54.166.665	-	-	54.166.665
	<u>19.690.789.365</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>19.690.789.365</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	28.263.056.167	-	-	28.263.056.167
Chi phí phải trả	286.300.000	-	-	286.300.000
	<u>28.549.356.167</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.549.356.167</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP	Cổ đông lớn
Golden Sino (Holdings) Limited	Cổ đông lớn
Honsan International Limited	Cổ đông lớn

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải thu khác	316.901.363	16.775.437
Golden Sino (Holdings) Limited	190.140.870	6.710.227
Honsan International Limited	126.760.493	10.065.210
Phải trả cổ tức	-	4.163.884.000
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP	-	4.163.884.000

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		2021	2020
		VND	VND
Hội đồng quản trị	Chức vụ	158.390.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	31.678.000	-
Ông Ng Chun Sun	Ủy viên	31.678.000	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	31.678.000	-
Ông Wu Yai Ning	Ủy viên	31.678.000	-
Ông Lu Xin	Ủy viên	31.678.000	-
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Ủy viên	-	-
		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		2021	2020
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	848.147.600	810.432.000
Ông Wu Yai Ning	Tổng Giám đốc	595.387.200	543.031.600
Ông Vũ Minh Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	252.760.400	267.400.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DONA NEWTOWER

Lô 234, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Trần Thị Phú
Người lập

Trần Thị Phú
Kế toán trưởng

Wu Yai Ning
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2021

